

Số: 99 /QĐ-THNN

Núa Ngam, ngày 18 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC NÚA NGAM

Căn cứ vào Luật số: 44/2013/QH13 Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

Căn cứ vào luật ngân sách Luật số: 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015;

Căn cứ vào Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, sử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công;

Căn cứ quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 về việc chuyển các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện về thuộc UBND cấp xã sau sắp xếp quản lý;

Căn cứ Điều 11 Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng trường tiểu học.

Căn cứ Quyết định số: 261/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Núa Ngam về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 15/2025/NĐ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-THNN ngày 22/09/2025 của Trường Tiểu học Núa Ngam về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội năm 2025;

Căn cứ vào tình hình thực tế của Trường Tiểu học Núa Ngam;

Theo đề nghị của Kế toán Trường Tiểu học Núa Ngam;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của “Quy chế chi tiêu nội bộ” ban hành tại quyết định số 67/QĐ-THNN ngày 22 tháng 09 năm 2025 của Trường Tiểu học Núa Ngam về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2025.

Điều 3: Các ông (bà) trong Ban giám hiệu, kế toán, cán bộ giáo viên, nhân viên thuộc trường Tiểu Học Núa Ngam chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- KBNN khu vực X (B/C);
- Phòng kinh tế;
- Website nhà trường;
- Lưu: KT, VP;

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thu Hằng

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ NỘI DUNG
QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ

(Ban hành kèm theo QĐ số 99 /QĐ-THNN ngày 18/11/2025 của Hiệu trưởng trường Tiểu học Núa Ngam)

1. Bổ sung nội dung chi tại Mục 1.1 Khoản 1 điều 13

Tiêu chuẩn thanh toán vé máy bay đi công tác trong nước:

a) Cán bộ Lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,3 trở lên, được thanh toán vé máy bay theo hạng ghế thương gia.

b) Cán bộ Lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,8 đến 1,25 được thanh toán vé máy bay theo hạng ghế phổ thông đặc biệt, linh hoạt. Trường hợp do yêu cầu công tác đột xuất nhưng không mua được các hạng vé phổ thông, các cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 0,8 đến 1,25 được mua vé máy bay hạng thương gia.

c) Cán bộ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,5 đến dưới 0,8 được thanh toán vé máy bay theo hạng ghế phổ thông.

d) Đối với các đối tượng còn lại: do yêu cầu công tác Thủ trưởng đơn vị căn cứ vào khả năng ngân sách có thể quyết định cho đi và được thanh toán tiền vé máy bay theo hạng ghế phổ thông.

đ) Người đi công tác không thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d khoản này, nếu đi bằng phương tiện máy bay thì chỉ được thanh toán theo giá cước vận tải ô tô hành khách công cộng thông thường (khi có vé máy bay).

2. Bổ sung nội dung chi tại Khoản 2 điều 13

Phụ cấp lưu trú

a) Mức phụ cấp lưu trú: 300.000 đồng/ngày.

b) Mức phụ cấp lưu trú trường hợp đi công tác trong ngày (đi và về trong ngày): 200.000 đồng/ngày.

c) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú: 400.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo (áp dụng cho cả những ngày làm việc trên biển, đảo, những ngày đi, về trên biển, đảo). Trường hợp một số ngành đặc thù đã được cấp có thẩm quyền quy định về chế độ khi đi công tác trên biển, đảo thì được

chọn chế độ quy định cao nhất (phụ cấp lưu trú hoặc chi bồi dưỡng) để chi trả cho người đi công tác.

3. Bổ sung nội dung chi tại Khoản 3 điều 13

Chi Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

a) Thanh toán theo hình thức khoán

Bí thư Tỉnh uỷ và các cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 1,25 trở lên: 1.600.000 đồng/ngày/người, không phân biệt nơi đến công tác;

Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,20: Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 800.000 đồng/ngày/người; Đi công tác tại các tỉnh (nội tỉnh, ngoại tỉnh): 600.000 đồng/ngày/người.

Các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại: Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 600.000 đồng/ngày/người; Đi công tác tại các tỉnh (nội tỉnh, ngoại tỉnh): 500.000 đồng/ngày/người.

b) Thanh toán theo hóa đơn thực tế:

Bí thư Tỉnh uỷ: 4.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng, không phân biệt nơi đến công tác;

Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 1,25 đến 1,30: Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 2.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng; Đi công tác tại các tỉnh (nội tỉnh, ngoại tỉnh): 1.800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo đó từ 0,8 đến 1,20: Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng; Đi công tác tại các tỉnh (nội tỉnh, ngoại tỉnh): 800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

Các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại: Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 1.400.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng; Đi công tác tại các tỉnh (nội tỉnh, ngoại tỉnh): 1.100.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng.

4. Bổ sung nội dung chi tại Mục 1.1 khoản 1 điều 12

Chế độ chi hội nghị, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ

1. Mức chi tổ chức hội nghị

a) Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên; người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị: Thực hiện theo mức chi thù lao quy định đối với giảng viên, báo cáo viên tại Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND.

b) Các khoản chi công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên do cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị chi theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị mình và ghi rõ trong giấy mời giảng viên, báo cáo viên.

c) Chi giải khát giữa giờ: 35.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu.

d) Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau:

Cuộc họp tổ chức tại các thành phố trực thuộc trung ương: 300.000 đồng/ngày/người (nếu có).

Cuộc họp do cơ quan cấp tỉnh tổ chức tại các tỉnh (nội tỉnh, ngoại tỉnh): 200.000 đồng/ngày/người;

Riêng cuộc họp do xã, phường tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức): 150.000 đồng/ngày/người.

đ) Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Thực hiện thanh toán theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này.

e) Chi hỗ trợ tiền phương tiện đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1, 2 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

2. Mức chi quy định tại khoản 1 Điều này là mức chi tối đa. Trong quá trình điều hành dự toán được giao, nếu có các khoản chi khác phát sinh hoặc điều chỉnh kế hoạch chi thì đơn vị được thực hiện khi có phê duyệt của thủ trưởng đơn vị, nhưng đảm bảo chi tiêu, sử dụng kinh phí trong phạm vi dự toán được duyệt và khuôn khổ pháp luật qui định.

5. Bãi bỏ một số nội dung chi theo Điều 12, 13 như sau:

- Bỏ nội dung chi tại Mục 1.1 Khoản 1 Điều 12.
- Bỏ nội dung chi tại Mục 1.1 khoản 1, khoản 2, 3 Điều 13.